

Số: 78/2Y2/QĐST-HNGĐ

Quận 4, ngày 23 tháng 03 năm 2Y2.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4, THÀNH PHỐ B**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 76/2Y2/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng Y năm 2Y2 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà NTT, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ADL, Phường Y, Quận T, Thành phố B.

2/ Ông VTP, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ĐVB, Phường V, Quận A, Thành phố B.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét thấy, tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 03 năm 2Y2, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà NTT và ông VTP xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà NTT và ông VTP xác nhận có hai con chung tên VHL, sinh ngày 20/10/2012 và VMN, sinh ngày 07/08/2007. Bà NTT và ông VTP thỏa thuận giao cả hai con chung cho bà NTT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các trẻ lần lượt thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự tự thỏa thuận giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà NTT và ông VTP xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí LHST: Bà NTT thỏa thuận nộp toàn bộ.

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà NTT và ông VTP thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số XYZ, quyển số R do Ủy ban nhân dân Phường Y, Quận T, Thành phố B cấp ngày 04/6/2007).

- Về con chung: Bà NTT và ông VTP xác nhận có hai con chung tên VHL, sinh ngày 20/10/2012 và VMN, sinh ngày 07/08/2007. Bà NTT và ông VTP thỏa thuận giao cả hai con chung cho bà NTT trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các trẻ lần lượt thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự tự thỏa thuận giải quyết.

Ông VTP có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng ông không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà NTT và ông VTP xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí LHST: Bà NTT tự nguyện nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA ngày 21/Y/2Y2 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố B. Bà NTT đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Đoàn Thanh Trúc**